

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HS-ST

Ngày: 14/4/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L**

Th phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Yến Nhi

Các Hội Thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Vũ Anh Kiệt

2. Bà Hoàng Thị Tường Duy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Kim Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở TAND thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự đã thụ lý số 135/2021/TLST-HS ngày 17/12/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HS ngày 28/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/HSST-QĐ ngày 16/3/2022 đối với các bị cáo:

1/ TRẦN VĂN L (tên gọi khác: Không), sinh năm: 1991 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Thôn H, xã A, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 0/12 (biết viết, ký tên); Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn S, sinh năm 1964 (chết) và bà Lâm Kim A, sinh năm 1959, Vợ: Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1995; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 26/5/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an thị xã L (Có mặt).

2/ NGUYỄN THỊ KIM Q (tên gọi khác: Không), sinh năm: 1992 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp Tân Thanh, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở: Khu phố 6, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968, Chồng, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 01/11/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an thị xã L (Có mặt).

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1/ **Dương Văn Th**, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Thôn Hiệp H, xã A, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt).

2/ **Nguyễn Vĩnh H**, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn Hiệp L, xã A, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 26/5/2021, Trần Văn L đến phòng trọ số 13 của Nguyễn Thị Kim Q ở khu phố 6, phường Tân An, thị xã L chơi. Tại đây, L gọi điện thoại rủ Dương Văn Th và Nguyễn Vĩnh H đến phòng trọ của Q để nhậu. Khoảng 30 phút sau thì Th, H đến. Sau đó, cả bốn người gồm L, Q, Th và H ngồi nhậu tại phòng của Q. Trong lúc nhậu thì L nảy sinh ý định sử dụng ma túy nên lấy điện thoại gọi cho một người tên Khanh (không rõ nhân thân lai lịch) để mượn loa, đèn. Khi gọi điện xong, L nhờ Th và H đi xe mô tô xuống khu vực bến Dinh, xã Tân Tiến để lấy loa, đèn giùm L nhưng không nói cho H và Th biết mục đích lấy loa, đèn để phục vụ cho việc sử dụng ma túy. Th và H đồng ý rồi điều khiển xe mô tô đến Dinh lấy loa, đèn theo chỉ dẫn của L.

Trong thời điểm Th và H đi lấy loa, đèn thì L đi bộ ra khu vực trước nhà trọ của Q để lấy số ma túy mà L đã cất giấu trong bụi cây cách đó khoảng 02 tuần gồm 01 bịch ma túy loại hàng khay và 01 bịch chứa 06 viên thuốc lắc. Sau khi đem ma túy vào phòng trọ của Q, L lấy 01 đĩa nhựa tại khu vực để chén bát, 01 khung thẻ sim tại giỏ trang điểm của Q rồi đi lên gác phòng trọ; Q lúc này đang dọn dẹp phía dưới rồi đi tắm. Ở trên gác, L lấy 01 viên thuốc lắc ra bẻ làm 04 phần để vào đĩa và đổ một ít hàng khay ra đĩa; lấy 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng cuộn tròn lại cột dây thun ở giữa để làm công cụ hít ma túy. Số hàng khay còn lại trong bịch nylon, L để trên nền gác, còn bịch nylon chứa 05 viên thuốc lắc thì L giấu lên trên laphông phòng trọ. Sau đó, L dùng khung thẻ sim nghiền và chia hàng khay Th 04 đường khay cùng với 04 phần thuốc lắc, với mục đích để L, Q, Th và H sử dụng. Khi L đang nghiền ma túy thì Th và H về đưa cho L 01 bịch nylon màu đen bên trong có loa, đèn. Khi đưa cho L xong thì Th và H nhìn thấy L đang nghiền ma túy nên cùng ngồi vào để sử dụng; còn L thì cắm loa và bắt đầu mở nhạc. Khoảng vài phút sau, Q đi lên trên gác thì thấy L, Th và H đang ngồi, trên nền có một đĩa nhựa có 04 phần thuốc lắc và 04 phần hàng khay. Do đã sử dụng ma túy nên Q biết đây là ma túy; Q không nói gì và đi vào ngồi để cùng sử dụng ma túy. Sau đó, cả 04 người bắt đầu sử dụng ma túy, mỗi người sử dụng một phần thuốc lắc và một phần khay trên đĩa. Đến khoảng 23 giờ 30 phút ngày 26/5/2021, khi cả 04 người đang sử dụng ma túy thì lực lượng Công an thuộc Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an thị xã L phối hợp với Công an phường B tiến hành kiểm tra, thu giữ vật chứng sau:

- Thu giữ trên nền cách vị trí L ngồi 01 mét 01 bịch nylon màu trắng, một đầu có nhíp kéo màu xanh, kích thước (3x3)cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng.

- Thu giữ trên la phong trần nhà 01 bịch nylon màu trắng, một đầu có nhíp kéo màu xanh, bên trong có 05 viên nén dạng rắn gồm 02 viên màu xanh, kích thước (0,8 x 0,7 x 0,4)cm và 03 viên màu hồng, kích thước (01 x 0,9 x 0,3)cm.

- Thu giữ trên nền nơi các đối tượng đang ngồi có 01 đĩa nhựa có hoa văn màu hồng đường kính 22cm, 01 khung thẻ sim Mobifone màu xanh kích thước (8,5x5)cm, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cột bằng cuộn dây thun ở giữa; 01 loa màu nâu đen hiệu HTV Audio kích thước (22 x 11 x 25)cm và 01 đèn màu trắng đen kích thước (14 x 17 x 17)cm.

Ngày 27/5/2021, Cơ quan CSĐT Công an thị xã L đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với 01 bịch nylon màu trắng, một đầu có nhíp kéo màu xanh, bên trong có chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M1); 01 bịch nylon màu trắng, một đầu có nhíp kéo màu xanh, bên trong có: 02 viên nén màu xanh lá cây kích thước (0,8 x 0,7 x 0,4)cm (ký hiệu M2) và 03 viên nén màu hồng kích thước (01 x 0,9 x 0,3)cm (ký hiệu M3). Theo Kết luận giám định số 658/KLGĐ - PC09 ngày 02/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận kết luận:

- Mẫu M1 gửi giám định có khối lượng 1,7627 gam, là Ketamine.

- Mẫu M2 gửi giám định có khối lượng 0,7053 gam, là MDMA.

- Mẫu M3 gửi giám định có khối lượng 1,0597 gam, là MDMA.

Về nguồn gốc ma túy, Trần Văn L khai nhận toàn bộ số ma túy thu giữ nêu trên là của L mua của một người thanh niên không rõ nhân thân lai lịch ở thành phố Hồ Chí Minh cách đây khoảng 02 tuần với giá 3.200.000 đồng nhằm mục đích sử dụng.

Vật chứng vụ án: Gồm có các bịch nylon và mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 658 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận, 01 đĩa nhựa, 01 khung thẻ sim Mobifone, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng có cột dây thun ở giữa; 01 loa màu nâu đen hiệu HTV Audio và 01 đèn màu trắng đen. Hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/12/2021 giữa Cơ quan CSĐT Công an thị xã L và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKSLG-HS ngày 16/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L đã truy tố bị cáo Trần Văn L về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo Điểm b Khoản 2 Điều 255 BLHS và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 BLHS; Truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim Q về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo Điểm d Khoản 2 Điều 256;

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Trần Văn L và Nguyễn Thị Kim Q và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Đề nghị áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255; Điểm i khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Phạt: Bị cáo Trần Văn L, mức án từ 07 – 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 02 năm - 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt của hai tội đối với bị cáo L.

- Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thị Kim Q phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”

Đề nghị áp dụng: Điểm b Khoản 2 Điều 256, Điểm s Khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS. Phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim Q 07 năm – 08 năm tù

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự Điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu huỷ các bịch nylon và mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 658 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận, 01 đĩa nhựa, 01 khung thẻ sim Mobifone.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 01 loa màu nâu đen hiệu HTV Audio và 01 đèn màu trắng đen,

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận tội như cáo trạng truy tố và thống nhất với các điều khoản mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã L viện dẫn trong cáo trạng. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng không thắc mắc, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, qua tranh tụng, các bị cáo Trần Văn L và Nguyễn Thị Kim Q đã khai nhận: Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 26/5/2021, bị cáo Trần Văn L rủ Dương Văn Th, Nguyễn Vĩnh H đến phòng trọ của bị cáo Nguyễn Thị Kim Oanh nhậu. Trong quá trình ăn uống, bị cáo L nảy sinh ý định sử dụng chất ma túy nên gọi điện cho một người bạn mượn loa, đèn và nhờ Th, H đến lấy loa đèn giúp, bị cáo không nói cho Th và H biết loa đèn là để phục vụ cho việc sử dụng ma túy. Trong lúc Th, H đi lấy loa, đèn, bị cáo L đi ra bụi cây phía trước khu vực nhà trọ của Q lấy ma túy bị cáo đã cất giấu trước đó, gồm 01 bịch ma túy loại hàng khay và 01 bịch chứa 06 viên thuốc lắc đem vào phòng trọ của Q, bị cáo lấy 01 đĩa nhựa tại khu vực để chén bát, 01 khung thẻ sim tại giỏ trang điểm của Q rồi đi lên gác

phòng trọ. Sau khi lên gác, bị cáo L lấy 01 viên thuốc lắc ra bẻ làm 04 phần để vào đĩa và đổ một ít hàng khay ra đĩa; lấy 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng cuộn tròn lại cột dây thun ở giữa để làm công cụ hít ma túy. Số hàng khay còn lại trong bịch nylon, bị cáo L để trên nền gác, còn bịch nylon chứa 05 viên thuốc lắc thì bị cáo giấu lên trên laphông phòng trọ. Tiếp đó, bị cáo L dùng khung thẻ sim nghiền và chia hàng khay Th 04 đường khay cùng với 04 phần thuốc lắc. Lúc này, Th và H về đến và mang loa đèn lên gác thì Th và H nhìn thấy bị cáo L đang nghiền ma túy nên cùng vào ngồi xuống gần chỗ L; còn L thì cắm loa và bắt đầu mở nhạc. Khoảng vài phút sau, bị cáo Q đi lên trên gác thì thấy L, Th và H đang ngồi, trên nền có một đĩa nhựa có 04 phần thuốc lắc và 04 phần hàng khay. Q không nói gì và đi vào ngồi để cùng sử dụng ma túy. Sau đó, cả 04 người bắt đầu sử dụng ma túy, mỗi người sử dụng một phần thuốc lắc và một phần hàng khay trên đĩa. Đến khoảng 23 giờ 30 phút ngày 26/5/2021, thì bị lực lượng Công an thuộc Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an thị xã L phát hiện, bắt quả tang và thu giữ cùng toàn bộ tang vật.

Theo Kết luận giám định số 658/KLGD - PC09 ngày 02/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận kết luận (đối với số ma túy bị thu giữ trên nền và laphong phòng trọ):

- Mẫu M1 gửi giám định có khối lượng 1,7627 gam, là Ketamine.
- Mẫu M2 gửi giám định có khối lượng 0,7053 gam, là MDMA.
- Mẫu M3 gửi giám định có khối lượng 1,0597 gam, là MDMA.

Xét thấy, bị cáo Trần Văn L có hành vi cung cấp ma túy cho Dương Văn Th, Nguyễn Vĩnh H, Nguyễn Thị Kim Q, đồng thời bị cáo cũng chuẩn bị phương tiện, dụng cụ (loa, đèn, khay sim, đĩa đựng, tiền cuộn Th ống) để những người nêu trên thực hiện việc sử dụng trái phép chất ma túy, đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 255 BLHS. Và với việc tổ chức cho 03 người sử dụng trái phép chất ma túy, thuộc trường hợp “Đối với 02 người trở lên”, đây là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điểm b Khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo L còn có hành vi cất giấu 1,7627 gam Ketamine và 1,7650 gam MDMA không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy, trong đó tổng tỷ lệ % về khối lượng của Ketamine và MDMA so với mức tối thiểu của từng chất đó quy định tại Khoản 2 Điều 249 là 44.1%, nên tổng khối lượng Ketamine và MDMA mà bị cáo tàng trữ thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Trần Văn L về các tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Kim Q, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa thể hiện, trước khi diễn ra việc sử dụng trái phép chất ma túy, giữa Q và L, Th, H không có sự trao đổi trước về việc Q cho thuê hay cho mượn phòng trọ của Q để L, Th, H sử dụng ma túy. Từ

căn cứ trên cho thấy, bị cáo Q phạm tội không thuộc trường hợp **cho mượn, cho thuê** địa điểm.

Bị cáo Q không có hành vi “cho mượn, cho thuê nơi ở của mình để cho L, Th, H sử dụng ma túy”, nhưng việc bị cáo Q sau khi tắm xong lên gác và thấy L, Th, H đang chuẩn bị sử dụng trái phép chất ma túy nhưng Q không phản đối, không ngăn cản việc nhiều người khác sử dụng ma túy tại nơi ở của mình, thỏa mãn nội dung “tuy không cho mượn, cho thuê.... nhưng **để mặc cho nhiều người** sử dụng trái phép chất ma túy”, thuộc nhóm hành vi khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy đã được hướng dẫn tại mục 7 phần II Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” (đã được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư liên tịch số 08/2015 ngày 14/11/2015), cụ thể:

7. Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy

7.1. “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” là hành vi của người có địa điểm thuộc quyền chiếm hữu của mình hoặc do mình quản lý biết người khác là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng vẫn cho họ mượn hoặc thuê địa điểm đó để họ trực tiếp sử dụng trái phép chất ma túy nhằm thỏa mãn nhu cầu của họ về sử dụng chất ma túy.

*7.2. “Có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” là trường hợp người có địa điểm thuộc quyền chiếm hữu của mình hoặc do mình quản lý, biết người khác (không phải là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của mình) là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, tuy không cho họ thuê, mượn địa điểm, nhưng lại để mặc cho họ hai lần sử dụng trái phép chất ma túy trở lên hoặc để mặc cho **nhiều người** sử dụng trái phép chất ma túy.*

Mặc dù, Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự năm 1999, nhưng hiện nay chưa có văn bản nào thay thế hoặc bãi bỏ thông tư này, hơn nữa, cấu Th tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy theo điều 198 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 và điều 256 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 về cơ bản là giống nhau nên cần thiết áp dụng thông tư 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP để xem xét cấu Th tội phạm của bị cáo Q.

Trong vụ án này, hành vi không phản đối, không ngăn cản việc các đối tượng L, H, Th sử dụng ma túy tại phòng trọ của Q thuộc trường hợp để mặc cho **nhiều người** sử dụng trái phép ma túy. Như vậy, tình tiết “**nhiều người** sử dụng trái phép chất ma túy” đã được sử dụng làm tình tiết định tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” thuộc khoản 1 Điều 256 BLHS, việc Viện kiểm sát sử dụng tình tiết “Đối với 02 người trở lên” để định khung tăng nặng hành vi của bị cáo Q theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 256 BLHS là không đúng theo hướng dẫn tại tiểu mục 7.2 thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 làm bất lợi cho bị cáo Q.

Vì các căn cứ trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim Q về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 256 BLHS mà xét xử bị cáo Nguyễn Thị Kim Q về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Khoản 1 Điều 256 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là cố ý, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chính sách quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Các bị cáo là người đã thành niên, có trình độ nhất định, nhận thức được ma túy là chất gây nghiện, không chỉ gây ảnh hưởng đến sức khỏe người sử dụng, tệ nạn ma túy là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác, nhưng để thỏa mãn cơn nghiện ma túy của mình, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, tổ chức cũng như chứa chấp việc tổ chức sử dụng trái phép cho nhiều người khác. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, chính trị tại địa phương, do đó, Hội đồng xét xử cần xử lý nghiêm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không có.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS nên Hội đồng xét xử cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Trên cơ sở cân nhắc tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân người phạm tội, mức hình phạt do đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L đề nghị, xét thấy, hiện nay tình hình tệ nạn ma túy ngày càng gia tăng tại địa phương, diễn biến hết sức phức tạp, dư luận xã hội bất bình lên án. Do đó, để đảm bảo an ninh chính trị tại địa phương, lập lại trật tự công cộng, Hội đồng xét xử cần xử lý nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục chính các bị cáo và đạt mục đích phòng ngừa chung.

[5] Trong vụ án này, bị cáo Trần Văn L phạm nhiều tội, nên cần phải tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 55 Bộ luật hình sự.

[6] Về vật chứng vụ án: Đối với các bịch nylon và mẫu vật sau giám định được niêm phong trong phong bì số 658 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận, 01 đĩa nhựa, 01 khung thẻ sim Mobifone, là vật cầm tàng trữ, lưu hành và công cụ dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 01 loa màu nâu đen hiệu HTV Audio và 01 đèn màu trắng đen, hiện vẫn còn giá trị sử dụng, cần tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

[7] Với các đối tượng Dương Văn Th, Nguyễn Vĩnh H, có hành vi cùng sử dụng ma túy với các bị cáo, hiện số ma túy các đối tượng trên cùng sử dụng đã sử

dụng hết, hành vi sử dụng ma túy của các đối tượng trên không cấu Th tội phạm, do vậy Viện kiểm sát nhân dân thị xã L không truy tố trong vụ án này là phù hợp.

Đối với người đã bán ma túy cho bị cáo Trần Văn L, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L không truy tố trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về án phí, các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 255; Điểm i khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn L phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn L 07 (Bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Trần Văn L phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 09 (Chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 26/5/2021.

2. Căn cứ Khoản 1 Điều 256, Điểm s Khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim Q phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim Q 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/11/2021.

3. Căn cứ Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu huỷ các bịch nylon và mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 658 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận, 01 đĩa nhựa, 01 khung thẻ sim Mobifone,

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 01 loa màu nâu đen hiệu HTV Audio và 01 đèn màu trắng đen, có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/12/2021 giữa Cơ quan CSĐT Công an thị xã L và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L.

4. Căn cứ Khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Văn L và bị cáo Nguyễn Thị Kim Q, mỗi người phải nộp **200.000** (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn **15** (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời gian **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Công an thị xã L;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Bình Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Chi cục THADS thị xã L;
- UBND địa phương bị cáo cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Thị Yến Nhi

PHIẾU ĐỀ XUẤT:

Vụ án hình sự: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy” xảy ra tại Khu phố 6, phường Tân An, thị xã L vào ngày 26/5/2021.

Thụ lý số 135 ngày 17/12/2021 dự kiến lên lịch xét xử ngày 14/4/2022

I/ Lý lịch các bị can:

1/ TRẦN VĂN L (tên gọi khác: Không), sinh năm: 1991 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Thôn H, xã A, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm thuê;

Trình độ học vấn: 0/12 (biết viết, ký tên); Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Sơn, sinh năm 1964 (chết) và bà Lâm Kim Anh, sinh năm 1959, Vợ: Nguyễn Thị Hồng Diễm, sinh năm 1995; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 26/5/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an thị xã L.

2/ NGUYỄN THỊ KIM Q (tên gọi khác: Không), sinh năm: 1992 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp Tân Thạnh, xã Tân Phú, huyện Châu Th, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở: Khu phố 6, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu Dũng, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Huỳnh, sinh năm 1968, Chồng, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 01/11/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an thị xã L.

II/ Nội dung vụ án:

Khoảng 20 giờ ngày 26/5/2021, Trần Văn L đến phòng trọ số 13 của Nguyễn Thị Kim Q ở khu phố 6, phường Tân An, thị xã L chơi. Tại đây, L gọi điện thoại rủ Dương Văn Th và Nguyễn Vĩnh H đến phòng trọ của Q để nhậu. Khoảng 30 phút sau thì Th, H đến. Sau đó, cả bốn người gồm L, Q, Th và H ngồi nhậu tại phòng của Q. Trong lúc nhậu thì L nảy sinh ý định sử dụng ma túy nên lấy điện thoại gọi cho một người tên Khanh (không rõ nhân thân lai lịch) để mượn loa, đèn. Khi gọi điện xong, L nhờ Th và H đi xe mô tô xuống khu vực bến Dinh, xã Tân Tiến để lấy loa, đèn giùm L nhưng không nói cho H và Th biết mục đích lấy loa, đèn để phục vụ cho việc sử dụng ma túy. Th và H đồng ý rồi điều khiển xe mô tô đến Dinh lấy loa, đèn theo chỉ dẫn của L.

Trong thời điểm Th và H đi lấy loa, đèn thì L đi bộ ra khu vực trước nhà trọ của Q để lấy số ma túy mà L đã cất giấu trong bụi cây cách đó khoảng 02 tuần gồm 01 bịch ma túy loại hàng khay và 01 bịch chứa 06 viên thuốc lắc. Sau khi đem ma túy vào phòng trọ của Q, L lấy 01 đĩa nhựa tại khu vực để chén bát, 01 khung thẻ sim tại giỏ trang điểm của Q rồi đi lên gác phòng trọ; Q lúc này đang dọn dẹp phía dưới rồi đi tắm. Ở trên gác, L lấy 01 viên thuốc lắc ra bẻ làm 04 phần để vào đĩa và đổ một ít hàng khay ra đĩa; lấy 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng cuộn tròn lại cột dây thun ở giữa để làm công cụ hít ma túy. Số hàng khay còn lại trong bịch nylon, L để trên nền gác, còn bịch nylon chứa 05 viên thuốc lắc thì L giấu lên trên laphông phòng trọ. Sau đó, L dùng khung thẻ sim nghiền và chia hàng khay Th 04 đường khay cùng với 04 phần thuốc lắc, với mục đích để L, Q, Th và H sử dụng. Khi L đang nghiền ma túy thì Th và H về đưa cho L 01 bịch nylon màu đen bên trong có loa, đèn. Khi đưa cho L xong thì Th và H nhìn thấy L đang nghiền ma túy nên cùng ngồi vào để sử dụng; còn L thì cắm loa và bắt đầu mở nhạc. Khoảng vài phút sau, Q đi lên trên gác thì thấy L, Th và H đang ngồi, trên nền có một đĩa nhựa có 04 phần thuốc lắc và 04 phần hàng khay. Do đã sử dụng ma túy nên Q biết đây là ma túy; Q không nói gì và đi vào ngồi để cùng sử dụng ma túy. Sau đó, cả 04

người bắt đầu sử dụng ma túy, mỗi người sử dụng một phần thuốc lắc và một phần khay trên đĩa. Đến khoảng 23 giờ 30 phút ngày 26/5/2021, khi cả 04 người đang sử dụng ma túy thì lực lượng Công an thuộc Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an thị xã L phối hợp với Công an phường Tân An tiến hành kiểm tra, thu giữ vật chứng sau:

- Thu giữ trên nền cách vị trí L ngồi 01 mét 01 bịch nylon màu trắng, một đầu có nhíp kéo màu xanh, kích thước (3x3)cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng.

- Thu giữ trên la phong trần nhà 01 bịch nylon màu trắng, một đầu có nhíp kéo màu xanh, bên trong có 05 viên nén dạng rắn gồm 02 viên màu xanh, kích thước (0,8 x 0,7 x 0,4)cm và 03 viên màu hồng, kích thước (01 x 0,9 x 0,3)cm.

- Thu giữ trên nền nơi các đối tượng đang ngồi có 01 đĩa nhựa có hoa văn màu hồng đường kính 22cm, 01 khung thẻ sim Mobifone màu xanh kích thước (8,5x5)cm, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cột bằng cuộn dây thun ở giữa; 01 loa màu nâu đen hiệu HTV Audio kích thước (22 x 11 x 25)cm và 01 đèn màu trắng đen kích thước (14 x 17 x 17)cm.

Ngày 27/5/2021, Cơ quan CSĐT Công an thị xã L đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với 01 bịch nylon màu trắng, một đầu có nhíp kéo màu xanh, bên trong có chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M1); 01 bịch nylon màu trắng, một đầu có nhíp kéo màu xanh, bên trong có: 02 viên nén màu xanh lá cây kích thước (0,8 x 0,7 x 0,4)cm (ký hiệu M2) và 03 viên nén màu hồng kích thước (01 x 0,9 x 0,3)cm (ký hiệu M3). Theo Kết luận giám định số 658/KLGĐ - PC09 ngày 02/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận kết luận:

- Mẫu M1 gửi giám định có khối lượng 1,7627 gam, là Ketamine.

- Mẫu M2 gửi giám định có khối lượng 0,7053 gam, là MDMA.

- Mẫu M3 gửi giám định có khối lượng 1,0597 gam, là MDMA.

Về nguồn gốc ma túy, Trần Văn L khai nhận toàn bộ số ma túy thu giữ nêu trên là của L mua của một người thanh niên không rõ nhân thân lai lịch ở Th phố Hồ Chí Minh cách đây khoảng 02 tuần với giá 3.200.000 đồng để sử dụng.

III/ Ý kiến của VKSND thị xã L:

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKSLG-HS ngày 16/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L đã truy tố:

Bị can Trần Văn L về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo Điểm b Khoản 2 Điều 255 BLHS và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 BLHS;

Bị can Nguyễn Thị Kim Q về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo Điểm d Khoản 2 Điều 256 BLHS

4/ Quan điểm:

a. Đối với Trần Văn L:

Bị cáo Trần Văn L có hành vi cung cấp ma túy cho Dương Văn Th, Nguyễn Vĩnh H, Nguyễn Thị Kim Q, đồng thời bị cáo cũng chuẩn bị phương tiện, dụng cụ (loa, đèn, khay sim, đĩa đựng, tiền cuốn Th ống) để những người nêu trên thực hiện việc sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, hành vi này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu Th tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 255 BLHS.

Ngoài ra, bị cáo L còn có hành vi cất giấu 1,7627 gam Ketamine và 1.7650 gam MDMA không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy, trong đó tổng tỷ lệ % về khối lượng của Ketamine và MDMA so với mức tối thiểu của từng chất đó quy định tại Khoản 2 Điều 249 là 44.1%, nên tổng khối lượng Ketamine và MDMA mà bị cáo tàng trữ thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố Trần Văn L về các tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội,

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Kim Oanh, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa thể hiện, trước khi diễn ra việc sử dụng trái phép chất ma túy, giữa Q và L, Th, H không có sự trao đổi trước về việc Q cho thuê hay cho mượn phòng trọ của Q để nhóm của L sử dụng ma túy. Từ căn cứ trên cho thấy, bị cáo Q phạm tội không thuộc trường hợp **cho mượn, cho thuê** địa điểm.

Bị cáo Q không có hành vi “cho mượn, cho thuê nơi ở của mình để cho nhóm L, Th, H sử dụng ma túy”, nhưng việc bị cáo Q sau khi tắm xong lên gác và thấy L, Th, H đang chuẩn bị sử dụng trái phép chất ma túy nhưng Q không phản đối, không ngăn cản việc nhiều người khác sử dụng ma túy tại nơi ở của mình, thoả mãn nội dung “tuy không cho mượn, cho thuê.... nhưng **để mặc cho nhiều người** sử dụng trái phép chất ma túy”, thuộc nhóm hành vi khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy đã được hướng dẫn tại tiểu mục 7 mục 7 Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” (đã được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư liên tịch số 08/2015 ngày 14/11/2015), cụ thể:

7. Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy

7.1. “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” là hành vi của người có địa điểm thuộc quyền chiếm hữu của mình hoặc do mình quản lý biết người khác là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng vẫn cho họ mượn hoặc thuê địa điểm đó để họ trực tiếp sử dụng trái phép chất ma túy nhằm thoả mãn nhu cầu của họ về sử dụng chất ma túy.

7.2. “Có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” là trường hợp người có địa điểm thuộc quyền chiếm hữu của mình hoặc do mình quản lý, biết người khác (không phải là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của mình) là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, tuy không cho họ thuê, mượn địa điểm, nhưng lại để mặc cho họ hai lần sử dụng

trái phép chất ma túy trở lên hoặc để mặc cho nhiều người sử dụng trái phép chất ma túy.

Trong vụ án này, hành vi không phản đối, không ngăn cản việc các đối tượng L, H, Th sử dụng ma túy tại phòng trọ của Q thuộc trường hợp để mặc cho **nhiều người** sử dụng ma túy. Như vậy, tình tiết “**nhiều người** sử dụng trái phép chất ma túy” đã được sử dụng làm tình tiết định tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” thuộc khoản 1 Điều 256 BLHS, việc Viện kiểm sát sử dụng tình tiết “Đối với 02 người trở lên” để định khung tăng nặng hành vi của bị cáo theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 256 BLHS là không đúng theo hướng dẫn tại tiêu mục 7.2 thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 làm bất lợi cho bị cáo Q, trái với nguyên tắc chung khi xử lý hình sự.

Vì vậy, theo quan điểm cá nhân thì không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 256 BLHS mà xét xử bị cáo Nguyễn Thị Kim Q về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Khoản 1 Điều 256 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Th khẩn khai báo, nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS.

- Trong vụ án này, bị cáo Trần Văn L phạm nhiều tội, nên cần phải tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 55 Bộ luật hình sự.

- Về vật chứng vụ án: Đối với các bịch nylon và mẫu vật sau giám định được niêm phong trong phong bì số 658 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận, 01 đĩa nhựa, 01 khung thẻ sim Mobifone, là vật cấm tàng trữ, lưu hành và phương tiện phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 01 loa màu nâu đen hiệu HTV Audio và 01 đèn màu trắng đen, hiện vẫn còn giá trị sử dụng, cần tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

- Với các đối tượng Dương Văn Th, Nguyễn Vĩnh H, có hành vi cùng sử dụng ma túy với các bị cáo, hiện số ma túy các đối tượng trên cùng sử dụng đã sử dụng hết, hành vi sử dụng ma túy của các đối tượng trên không cấu Th tội phạm, do vậy Viện kiểm sát nhân dân thị xã L không truy tố trong vụ án này là phù hợp.

1. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 255; Điểm i khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn L phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn L **07 đến 08 năm tù** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và **02 năm đến 02 năm 06 tháng tù** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Trần Văn L phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ ngày 27/5/2021.

2. Căn cứ Khoản 1 Điều 256, Điểm s Khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Kim Q phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim Q **03 đến 04 năm** tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt bị can để tạm giam ngày 01/11/2021.

3. Căn cứ Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu huỷ các bịch nylon và mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 658 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận, 01 đĩa nhựa, 01 khung thẻ sim Mobifone,

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 01 loa màu nâu đen hiệu HTV Audio và 01 đèn màu trắng đen, có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/12/2021 giữa Cơ quan CSĐT Công an thị xã L và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L.

4. Căn cứ Khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Văn L và bị cáo Nguyễn Thị Kim Q, mỗi người phải nộp **200.000** (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Văn L, bị cáo Nguyễn Thị Kim Q có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn **15** (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời gian **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Người đề xuất

TÒA ÁN THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ... giờ ngày 14 tháng 4 năm 2022

Tại: Phòng nghị án, Tòa án thị xã L

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Yến Nhi**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phan Vũ Anh Kiệt**

2. Bà **H Thị Tường Duy**

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 132/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

Bị cáo Trần Văn L (tên gọi khác: Không); sinh năm 1991 tại Kiên Giang

Bị cáo Nguyễn Thị Kim Q (tên gọi khác: Không), sinh năm 1992 tại Đồng Tháp.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

a) Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ, không thuộc trường hợp trả hồ sơ bổ sung;

***Kết quả biểu quyết: 3/3**

b) Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập đều hợp pháp;

***Kết quả biểu quyết: 3/3**

c) Đối với hành vi của bị cáo Trần Văn L:

- Ý kiến của hội thẩm Kiệt: Bị cáo Trần Văn L có hành vi cung cấp ma túy cho Dương Văn Th, Nguyễn Vĩnh H, Nguyễn Thị Kim Q, đồng thời bị cáo cũng chuẩn bị phương tiện, dụng cụ (loa, đèn, khay sim, đĩa đựng, tiền cuốn Th ống) để những người nêu trên thực hiện việc sử dụng trái phép chất ma túy. hành vi này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu Th tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 255 BLHS.

Ngoài ra, bị cáo L còn có hành vi cất giấu 1,7627 gam Ketamine và 1.7650 gam MDMA không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy, trong đó tổng tỷ lệ % về khối lượng của Ketamine và MDMA so với mức tối thiểu của từng chất đó quy định tại Khoản 2 Điều 249 là 44.1%, nên tổng khối lượng Ketamine và MDMA mà bị cáo tàng trữ thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Vì vậy, ý kiến của ông là có căn cứ kết tội bị cáo Trần Văn L về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo Điểm b

Khoản 2 Điều 255 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điểm i Khoản 1 Điều 249, Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017

- Ý kiến của bà Duy: Thống nhất với lập luận và quan điểm của ông Kiệt, có căn cứ kết tội bị cáo Trần Văn L về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo Điểm b Khoản 2 Điều 255 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điểm i Khoản 1 Điều 249, Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017

- Ý kiến của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với lập luận và quan điểm của hai Hội thẩm, đã có đủ căn cứ kết tội bị cáo Trần Văn L về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo Điểm b Khoản 2 Điều 255 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điểm i Khoản 1 Điều 249, Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017

*** Kết quả biểu quyết: 3/3**

Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Kim Q:

- Ý kiến của ông Kiệt: Theo hồ sơ vụ án thể hiện, bị cáo Q không có hành vi cho thuê, cho mượn nơi ở của Q để bị cáo L, Th, H sử dụng trái phép chất ma túy. Việc Q đi tắm lên thấy L, Th, H đang sử dụng trái phép chất ma túy thì Q không có hành vi ngăn cản, không phản đối, để cho những người này sử dụng ma túy tại nơi ở của Q và Q cũng ngồi sử dụng chung. Hành vi này của Q là sự để mặc cho nhiều người sử dụng trái phép chất ma túy tại nơi ở của Q, thuộc nhóm hành vi khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy được thể hiện trong cấu Th tội phạm của tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” được quy định tại Điều 256 Bộ luật hình sự, nội dung này đã được hướng dẫn tại tiểu mục 7 mục 7 Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” và được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư liên tịch số 08/2015 ngày 14/11/2015 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp. Như vậy, tình tiết “nhiều người cùng sử dụng trái phép chất ma túy” đã được sử dụng làm tình tiết định tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, do đó không thể sử dụng tình tiết “Đối với 02 người trở lên” để định khung tăng nặng hành vi của bị cáo theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 256 BLHS. Hành vi của bị cáo Q trong vụ án này chỉ phạm vào tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 256 BLHS 2015. Việc Viện kiểm sát nhân dân thị xã L sử dụng tình tiết “Đối với 02 người trở lên” để truy tố Nguyễn Thị Kim Q về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo Điểm d Khoản 2 Điều 256 BLHS là không phù hợp quy định pháp luật, gây bất lợi cho bị cáo, trái với nguyên tắc chung khi xử lý hình sự, Vì vậy ý kiến của ông là không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 256 BLHS mà xét xử bị cáo Nguyễn Thị Kim Q về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Khoản 1 Điều 256 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Ý kiến của bà Duy: Thống nhất ý kiến của ông Kiệt, hành vi của bị cáo Q tuy không cho thuê, cho mượn địa điểm nhưng để mặc, tức là không có hành vi phản đối, không ngăn cản người khác sử dụng địa điểm thuộc quyền quản lý của mình để sử dụng trái phép chất ma túy. Thuộc nhóm hành vi khác của tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 256 BLHS. Tình tiết “nhiều người sử dụng trái phép chất ma túy” đã được sử dụng làm tình tiết định tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, do đó không thể sử dụng tình tiết “Đối với 02 người trở lên” để định khung tăng nặng hành vi của bị cáo theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 256 BLHS. Do vậy, bà đề nghị không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 256 BLHS mà xét xử bị cáo Nguyễn Thị Kim Q về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Khoản 1 Điều 256 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Ý kiến của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với các ý kiến cũng như các lập luận mà hai Hội thẩm đưa ra, không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 256 BLHS mà xét xử bị cáo Nguyễn Thị Kim Q về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Khoản 1 Điều 256 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

***Kết quả biểu quyết: 3/3**

d) Hình phạt: Ý kiến bà H Thị Tường Duy:

- Về tình tiết tăng nặng TNHS: Các bị cáo không có. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Th khẩn khai báo, nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS nên bà đề nghị xử phạt bị cáo L.....về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” vàtù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của hai tội với bị cáo L là

Đối với bị cáo Q, bà đề xuất hình phạt làtù.

- Ý kiến ông Kiệt: Ông thống nhất với phân tích và đề nghị của bà Duy, đề nghị xử phạt bị cáo bị cáo L..... về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của hai tội với bị cáo L là

Đối với bị cáo Q, bà đề xuất hình phạt là tù.

- Ý kiến chủ tọa: Thống nhất với phân tích và đề nghị trên của hai Hội thẩm, đề nghị xử phạt bị cáo bị cáo L.....về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của hai tội với bị cáo L là

Đối với bị cáo Q, đề xuất hình phạt là tù.

***Kết quả biểu quyết : 3/3**

- Biện pháp tư pháp; Không .
- Trách nhiệm bồi thường thiệt hại; Không
- Vấn đề dân sự trong vụ án hình sự; Không

*** Kết quả biểu quyết: 3/3**

đ) Bị cáo không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự; Không

*** Kết quả biểu quyết: 3/3**

e) Án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 các bị cáo Trần Văn L và Nguyễn Thị Kim Q, mỗi người phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- Xử lý vật chứng: Căn cứ Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu huỷ các bịch nylon và mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 658 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận, 01 đĩa nhựa, 01 khung thẻ sim Mobifone, Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 01 loa màu nâu đen hiệu HTV Audio và 01 đèn màu trắng đen,

***Kết quả biểu quyết: 3/3**

g) Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều hợp pháp;

***Kết quả biểu quyết: 3/3**

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 14 tháng 4 năm 2022

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các Th viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

TH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:/2022/HSST-QĐTG

L, ngày 14 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Yến Nhi**.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **H Thị Tường Duy**

2. Ông **Phan Vũ Anh Kiệt**

Căn cứ vào các Điều 109, 113, 119 và 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào biên bản nghị án ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng xét xử sơ thẩm;

Xét thấy, cần thiết tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm cho việc thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1:

Tạm giam bị cáo: **Trần Văn L**, tên gọi khác: Không, sinh năm: 1991, nơi sinh: Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê

Nơi cư trú: Thôn H, xã A, thị xã L, tỉnh Bình Thuận

Bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 07 (Bảy) năm về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Theo điểm b Khoản 2 Điều 255 và Điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Thời hạn tạm giam là: 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (14/4/2022).

Điều 2:

Cơ sở tạm giữ Nhà tạm giữ - Công an thị xã L có trách nhiệm thi hành quyết định này.

****Nơi Nhận:***

- Nhà tạm giữ Công an thị xã L;
- VKSND thị xã L;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Yến Nhi**.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **H Thị Tường Duy**

2. Ông **Phan Vũ Anh Kiệt**

Căn cứ vào các Điều 109, 113, 119 và 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào biên bản nghị án ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng xét xử sơ thẩm;

Xét thấy, cần thiết tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm cho việc thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1:

Tạm giam bị cáo: **Nguyễn Thị Kim Q**, tên gọi khác: Không, sinh năm: 1992, nơi sinh: Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê

Nơi cư trú: Ấp Tân Thạnh, xã Tân Phú, huyện Châu Th, tỉnh Đồng Tháp.

Bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”

Theo khoản 1 Điều 256 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Thời hạn tạm giam là: 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (14/4/2022).

Điều 2:

Cơ sở tạm giữ Nhà tạm giữ - Công an thị xã L có trách nhiệm thi hành quyết định này.

****Nơi Nhận:***

- Nhà tạm giữ Công an thị xã L;
- VKSND thị xã L;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÀO THỊ YẾN NHI

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- CA tỉnh Bình Thuận;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L ;
- Công an thị xã L;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS - Lưu Tòa án;
- UBND địa phương nơi BC cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Thị Yến Nhi

